

I. HỌC ĐỌC



1. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRUYỆN

Truyện là một thể loại văn học thường kể lại câu chuyện bằng một chuỗi sự việc liên quan đến nhau, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng có một kết thúc. Truyện nhằm giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ.

Học sách *Ngữ văn 6*, các em sẽ được tiếp xúc với những văn bản *truyện* có nội dung hấp dẫn, chứa đựng lòng yêu nước và tinh thần nhân văn sâu sắc. Đó là câu chuyện về người anh hùng làng Gióng đánh giặc cứu nước (*Thành Gióng*); về sự tích vua Lê trả lại gươm thần (*Sự tích Hồ Gươm*); về chàng trai mồ côi, nghèo khó mà dũng cảm, bao dung (*Thạch Sanh*);... Bên cạnh câu chuyện đầy cảm động về em bé tội nghiệp trong *Cô bé bán diêm* của An-đéc-xen (Andersen) là truyện về ông lão khôn khéo có người vợ tham lam, độc ác trong *Ông lão đánh cá và con cá vàng* của Pu-skin (Pushkin). Truyện *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh) kể về người em gái có tấm lòng và tình cảm trong sáng, vô tư; còn truyện *Điều không tình trước* (Nguyễn Nhật Ánh) lại kể về ba người bạn nhỏ, ban đầu xích mích vì hiểu lầm, cuối cùng lại kết thành một khối yêu thương. Các em sẽ đọc câu chuyện cảm động của hai cha con Dế Vằn trong *Chích bông ơi!* (Cao Duy Sơn) và gặp chú Dế Mèn, một nhân vật kiêu căng, hống hách nhưng biết ân hận trước những việc làm không đúng trong *Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài).

2. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ

Thơ là một thể loại văn học thường có vần, nhịp, trình bày theo các dòng và khổ⁽¹⁾. Thơ nhằm thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người viết.

Thơ trong sách *Ngữ văn 6* gồm một số bài thơ lục bát viết về tình cảm gia đình. Đó là bài thơ *À ơi tay mẹ* (Bình Nguyên) ghi lại những xúc động, băng khuâng khi nghĩ về bàn tay của mẹ; là bài *Về thăm mẹ* (Đình Nam Khương) đầy ắp những cảm xúc nghẹn ngào; là các bài ca dao nói về công cha, nghĩa mẹ;... Bên cạnh những bài thơ lục bát, thể thơ truyền thống của dân tộc, các em còn được học một số bài thơ thuộc những thể thơ khác có sử dụng các yếu tố tự sự và miêu tả như bài *Đêm nay Bác không ngủ* (Minh Huệ) với những chi tiết, hình ảnh chân thật và tình cảm da diết, cảm động; bài *Lượm* (Tố Hữu) với những lời nói, hình ảnh hồn nhiên, nhí nhảnh của chú bé liên lạc dũng cảm; bài *Gấu con chân vòng kiềng* của U-xa-chốp (Usachev) kể chuyện về chú gấu con hồn nhiên, vui nhộn, hài hước.

3. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ

Kí là một loại tác phẩm văn học thường ghi lại sự việc và con người một cách xác thực (con người, sự việc, thời gian, địa điểm có thật, không hư cấu). Kí tái hiện sự việc và con người một cách sinh động, cụ thể; qua đó, người viết thường phát biểu những suy nghĩ, cảm xúc về sự việc và con người được nói tới.

Kí trong sách *Ngữ văn 6* gồm: văn bản *Trong lòng mẹ* trích từ hồi kí *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng ghi lại tình mẫu tử sâu nặng; đoạn trích du kí *Đông Tháp Mười mùa nước nổi* của Văn Công Hùng ghi chép về cảnh sắc thiên nhiên, con người vùng đất

(1) *Khổ* (khổ thơ): tập hợp một số dòng (trong thơ hiện đại); các khổ thơ giãn cách nhau bằng khoảng tương đương một dòng trở lên.

phương Nam. Đó còn là những dòng hồi ức về tuổi thiếu niên với những kỉ niệm đầy thú vị của tác giả Hon-đa Sô-i-chi-rô (Honda Soichiro) – nhà sáng lập hãng Hon-đa nổi tiếng Nhật Bản. Qua các bài kí này, em sẽ cảm nhận được thế nào là tình mẫu tử thiêng liêng; hiểu thêm những phẩm chất mà tuổi vị thành niên cần có cho một tương lai tốt đẹp; thấy được cảnh trí, con người, nơi ăn ở, sinh hoạt,... của mọi miền đất nước. Cách ghi lại những điều còn nhớ sau khi đã trải qua, đã chứng kiến sự việc (hồi kí) hoặc viết về những điều mắt thấy tai nghe trong một chuyến đi (du kí) đều rất sinh động và in đậm dấu ấn cá nhân người kể.



Sách *Ngữ văn 6* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại văn học nào? Chỉ ra nội dung chính của các văn bản mà em được học trong mỗi thể loại.

4. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó. Để thuyết phục, người viết, người nói phải nêu lên được ý kiến (quan điểm) của mình, sau đó dùng lí lẽ và các bằng chứng cụ thể để làm sáng tỏ ý kiến ấy.

Văn bản nghị luận trong sách *Ngữ văn 6* gồm các bài nghị luận văn học và nghị luận xã hội. Các bài nghị luận văn học tập trung nêu lên cái đẹp, cái hay của các tác phẩm văn học. Bài *Nguyễn Hồng – nhà văn của những người cùng khổ* (Nguyễn Đăng Mạnh) giúp các em hiểu vì sao Nguyễn Hồng lại viết rất hay về tầng lớp dân nghèo. Văn bản *Vẻ đẹp của một bài ca dao* (Hoàng Tiến Trụ) chỉ ra sự cảm nhận tinh tế của tác giả dân gian trước vẻ đẹp của cô gái và cánh đồng lúa mênh mông, bát ngát. Bài *Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước* (Bùi Mạnh Nhị) phân tích ý nghĩa của truyện *Thánh Gióng* – một trong những tác phẩm hay nhất thể hiện chủ đề đánh giặc cứu nước. Với nghị luận xã hội, các bài viết tập trung nêu lên vấn đề mà cả xã hội đang quan tâm. Đó là sự cần thiết của việc bảo vệ và đối xử nhân đạo với động vật qua bài *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?* (Kim Hạnh Bảo – Trần Nghị Du); là vấn đề nguồn nước ngọt đang dần cạn kiệt được thể hiện thuyết phục qua các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Khan hiếm nước ngọt* (Trịnh Văn),... Bên cạnh đó là những lí giải rất thuyết phục về lợi ích của vật nuôi trong bài *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?* (Thùy Dương). Đọc các văn bản này, các em sẽ

hiểu con người cần có trách nhiệm với môi trường, vật nuôi quanh mình và học được cách tác giả thuyết phục người đọc bằng việc nêu ý kiến, sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể như thế nào.

5. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN

Văn bản thông tin là loại văn bản thường dùng để cung cấp thông tin về con người, sự vật, hiện tượng hoặc hướng dẫn thực hiện hoạt động dựa trên các số liệu, sự kiện khách quan và kiến thức khoa học.

Văn bản thông tin rất phổ biến trong xã hội dưới dạng các bài báo, tạp chí, từ điển, sách viết về danh nhân, sách hướng dẫn (du lịch, sử dụng thuốc, nấu ăn,...), pa nô, áp phích,... Hầu hết bài học của các môn học trong sách giáo khoa cũng là văn bản thông tin.

Văn bản thông tin trong sách *Ngữ văn 6* là các văn bản cung cấp cho người đọc nhiều điều bổ ích về các sự kiện lớn. Trước hết là một số sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc như sự kiện không thể nào quên về ngày Quốc khánh 2-9-1945 qua bài *Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn Độc lập”* (Bùi Đình Phong); sự kiện “Chín năm làm một Điện Biên” (Tổ Hữu) qua cách trình bày ngắn gọn bằng sơ đồ của văn bản *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ*;... Bên cạnh các văn bản về sự kiện lịch sử còn có các văn bản về sự kiện văn hoá, thể thao như: bài viết *Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng* (Nguyệt Cát) ghi lại quá trình ra đời của bài hát *Như có Bác trong ngày đại thắng*; bài viết *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?* nêu lên những nguyên nhân dẫn đến chiến thắng của đội tuyển bóng đá Việt Nam. Ngoài ra, còn có các văn bản về sự kiện khoa học như *Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”* mang lại nhiều hiểu biết thú vị cho người đọc; văn bản *Giờ Trái Đất* nói về sự cần thiết của việc tiết kiệm năng lượng và chống biến đổi khí hậu;... Đọc các văn bản này, các em sẽ thấy tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc; hiểu biết thêm về một số sự kiện lớn của Việt Nam và thế giới; nhận biết được cách đưa thông tin, sự kiện bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó có văn bản sử dụng kết hợp kênh chữ với kênh hình (gọi là văn bản đa phương thức).



Nội dung chính của mỗi văn bản trong các phần *Đọc hiểu văn bản nghị luận* và *Đọc hiểu văn bản thông tin* là gì?

6. RÈN LUYỆN TIẾNG VIỆT

Các văn bản đọc hiểu trong sách giáo khoa là những văn bản tiêu biểu về việc sử dụng tiếng Việt. Từ các văn bản này, sách giáo khoa giúp các em học hỏi những kiến thức cơ bản về tiếng Việt và cách diễn đạt bằng tiếng Việt. Mặt khác, sách cũng giúp các em thực hành, vận dụng những kiến thức và kỹ năng đó vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, trước hết là để hiểu văn bản trong sách giáo khoa và các văn bản khác trong đời sống.

Định hướng nói trên được thể hiện ở hoạt động thực hành tiếng Việt thông qua các loại bài tập sau:

a) Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị ngôn ngữ (chiếm số lượng nhỏ), ví dụ: nhận biết các từ đơn, từ phức; các từ đơn nghĩa, đa nghĩa, đồng âm; các từ thuần Việt, từ mượn; các kiểu câu; các biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ,...

b) Bài tập vận dụng kiến thức tiếng Việt rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe (chiếm số lượng lớn). Cụ thể:

– Vận dụng kiến thức tiếng Việt phục vụ hoạt động tiếp nhận văn bản (tập trung vào kỹ năng đọc hiểu văn bản), ví dụ: phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ trong văn bản để hiểu văn bản sâu hơn.

– Vận dụng kiến thức tiếng Việt phục vụ hoạt động tạo lập văn bản (thuyết trình, thảo luận, viết văn bản); ví dụ: vận dụng kiến thức về mở rộng các thành phần chính của câu, kiến thức về văn bản và đoạn văn để thể hiện được đầy đủ, sinh động thực tế khách quan và suy nghĩ, tình cảm, thái độ của các em trong bài viết.



Đọc mục *Rèn luyện tiếng Việt* và trả lời câu hỏi:

- a) Sách *Ngữ văn 6* có những loại bài tập tiếng Việt nào?
- b) Bài tập vận dụng kiến thức tiếng Việt nhằm mục đích gì và phục vụ các hoạt động nào?